

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ THANH TUYẾN

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 1: TS. Đào Hữu Hòa

Phản biện 2: TS. Nguyễn Duy Thục

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, công tác quản lý, điều hành chi NS Nhà nước đã có những đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi. Hoạt động quản lý chi NS đã góp phần giải phóng sức sản xuất của mọi thành phần kinh tế, phát huy được thế mạnh của địa phương, tạo đà cho sản xuất phát triển, giải quyết công ăn việc làm, đảm bảo công bằng an sinh xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Cơ cấu chi đầu tư phát triển dần được cải thiện theo hướng tích cực. Tuy nhiên, công tác quản lý chi NS vẫn còn một số hạn chế như phân bổ vốn đầu tư còn dàn trải, không gắn với kế hoạch vốn; công tác quản lý tạm ứng vốn thanh toán còn lỏng lẻo, tạm ứng vốn cho nhà thầu tỷ lệ lớn, kéo dài nhiều năm nhưng chưa thu hồi dứt điểm cho NSNN, làm thất thoát vốn đầu tư; lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả trong quản lý chi thường xuyên; chưa có công cụ, thước đo hiệu quả việc sử dụng NS đối với các đơn vị thực hiện khoán chi hành chính; bộ máy NS xã phường còn thiếu, yếu nhất là ở các huyện miền núi; mối quan hệ giữa các cơ quan Tài chính (cơ quan phân bổ dự toán) và KBNN (cơ quan kiểm soát chi) trong hệ thống tài chính ở địa phương vẫn còn sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ trong quá trình chấp hành dự toán chi NS và kiểm tra, giám sát lẫn nhau làm tăng khối lượng công việc mà hiệu quả không cao; cùng một khoản chi NS nhưng được hạch toán trên ba hệ thống tài khoản kế toán; việc phân định trách nhiệm quyền hạn trong quản lý kiểm soát chi NSNN chưa rõ ràng, còn phân tán, chưa tập trung đầu mỗi duy nhất kiểm soát chi qua KBNN.

Từ nhận thức trên, tôi đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi”** làm luận văn với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác quản lý chi NS nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác quản lý chi ngân sách.
- Phân tích tình hình quản lý chi NSNN tại tỉnh Quảng Ngãi; Rút ra những ưu điểm, tồn tại và nguyên nhân cơ bản trong công tác quản lý chi ngân sách của tỉnh.
- Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi NS của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề về công tác quản lý chi ngân sách nhà nước.
- Phạm vi nghiên cứu: Tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp so sánh, khái quát hóa...

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý chi ngân sách nhà nước cấp tỉnh

Chương 2: Thực trạng quản lý chi ngân sách nh tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách tỉnh Quảng Ngãi

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH

1.1. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chi ngân sách nhà nước

Chi NSNN (hay chi tiêu công) là những khoản chi tiêu do chính phủ hoặc các pháp nhân hành chính thực hiện để đạt được các mục tiêu công ích, chẳng hạn như: bảo vệ an ninh và trật tự, cứu trợ bảo hiểm, trợ giúp kinh tế, chống thất nghiệp... hay nói cách khác: “*chi của NSNN là quá trình phân phối, sử dụng quỹ NSNN theo những nguyên tắc nhất định cho việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.*”[13]

Chi NSNN là các quan hệ tài chính tiền tệ được hình thành trong quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm đảm bảo trang trải cho các nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà nước và thực hiện các chức năng chính trị, kinh tế, xã hội của Nhà nước.

Chi NSNN là sự kết hợp hài hoà giữa quá trình phân phối quỹ NSNN để hình thành các quỹ tài chính của các cơ quan, đơn vị và quá trình quản lý, sử dụng chi tiêu các quỹ này đúng mục đích, kế hoạch.

1.1.2. Bản chất chi ngân sách nhà nước

Chi NSNN là hệ thống những quan hệ phân phối lại các khoản thu nhập phát sinh trong quá trình sử dụng có kế hoạch quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế, từng bước mở mang các sự nghiệp văn hoá - xã hội, duy trì hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và bảo đảm an ninh quốc phòng.

1.1.3. Chức năng của chi ngân sách nhà nước

Ba chức năng của chi NS nhà nước gồm: phân bổ nguồn lực, tái phân phối thu nhập, điều chỉnh và kiểm soát.

1.1.4. Vai trò của chi ngân sách nhà nước

Vai trò của chi NSNN được xem xét trên hai khía cạnh: là công cụ đảm bảo duy trì sự tồn tại và hoạt động của bộ máy Nhà nước và là công cụ của Nhà nước trong quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường.

1.1.5. Nội dung chi ngân sách nhà nước

* *Chi thường xuyên*: Là những khoản chi không có trong khu vực đầu tư và có tính chất thường xuyên để bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm duy trì “đời sống quốc gia”[10]. Về nguyên tắc, các khoản chi này phải được bảo đảm bằng các khoản thu không mang tính hoàn trả (thu trong cân đối) của NSNN.

* *Chi đầu tư phát triển*: Là tất cả các chi phí làm tăng thêm tài sản quốc gia.

* *Chi khác*: Chi bổ sung quỹ dự trữ nhà nước; chi bổ sung NS cấp dưới; chi viện trợ; chi trả nợ gốc các khoản vay của chính phủ.

1.2. CHI NGÂN SÁCH TỈNH TRONG HỆ THỐNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.2.1. Cơ chế phân cấp quản lý nhà nước về chi ngân sách

a. Sự cần thiết phân cấp quản lý chi ngân sách nhà nước

b. Nội dung phân cấp quản lý chi ngân sách nhà nước

c. Quan hệ giữa các cấp chi ngân sách

1.2.2. Vai trò của quản lý chi ngân sách tỉnh

Vai trò và nhiệm vụ của NS cấp tỉnh theo Nghị định số 60/2003/NĐ-CP là để duy trì và phát triển bộ máy nhà nước, phát triển kinh tế xã hội của địa phương, chăm sóc y tế ngày càng tốt hơn, nâng cao trình độ học vấn, đào tạo nghề để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư. Góp phần

giảm bớt khoảng cách giàu nghèo do nền kinh tế thị trường sinh ra bằng những công trình phúc lợi xã hội, đầu tư cho vùng cao, vùng sâu để giúp những khu vực khó khăn này có điều kiện phát triển...

1.2.3. Nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước

1.3. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH

1.3.1. Lập dự toán chi ngân sách nhà nước

- a. Ý nghĩa của lập dự toán chi ngân sách nhà nước*
- b. Mục đích, yêu cầu của lập dự toán chi ngân sách nhà nước*
- c. Căn cứ lập dự toán chi ngân sách nhà nước*
- d. Phương pháp lập dự toán chi ngân sách nhà nước*
- e. Trình tự lập dự toán chi ngân sách nhà nước*

1.3.2. Chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước

- a. Mục tiêu, ý nghĩa của chấp hành dự toán chi NSNN*
- b. Nội dung chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước*

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, UBND giao dự toán chi NS, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các đơn vị dự toán có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán chi NS cho các đơn vị sử dụng NS trực thuộc. Cơ quan tài chính có trách nhiệm kiểm tra, nếu không đúng dự toán chi NS được giao, không đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức thì yêu cầu điều chỉnh lại. Việc phân bổ và giao dự toán chi NS cho các đơn vị sử dụng NS phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Căn cứ vào dự toán NSNN được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, thủ trưởng đơn vị sử dụng NS quyết định chi gửi KBNN. KBNN kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi NS khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật NSNN theo phương thức thanh

toán trực tiếp. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương thức thanh toán này phù hợp với điều kiện thực tế.

1.3.3. Quyết toán chi ngân sách nhà nước

a. Mục tiêu và nguyên tắc quyết toán chi ngân sách nhà nước

b. Trình tự lập, xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán chi ngân sách nhà nước

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán chi NS theo đúng các nội dung ghi trong dự toán và theo Mục lục NSNN. Các khoản chi NS đến ngày 31/12 chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết, nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp tục thực hiện trong năm sau thì được chi tiếp và hạch toán quyết toán vào chi NS năm trước, nếu được chuyển nguồn để thực hiện thì hạch toán vào NS năm sau.

Thủ trưởng các đơn vị có nhiệm vụ chi NS lập quyết toán chi NS của đơn vị mình gửi cơ quan quản lý cấp trên. Số liệu quyết toán phải được đối chiếu và được KBNN nơi giao dịch xác nhận.

Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương thẩm định quyết toán chi NS của các cơ quan cùng cấp và quyết toán NS cấp dưới, tổng hợp, lập quyết toán chi NS địa phương trình UBND cùng cấp để UBND xem xét trình HĐND cùng cấp phê chuẩn, báo cáo cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

1.3.4. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán chi ngân sách nhà nước

Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm:

- Kiểm tra, duyệt quyết toán chi NS của các đơn vị trực thuộc, chịu trách nhiệm về quyết toán đã duyệt. Lập quyết toán chi NS thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

- Kiểm tra việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước của các đơn vị trực thuộc;

- Đối với những dự án, nhiệm vụ quy mô lớn, được đề nghị cơ quan Kiểm toán Nhà nước kiểm toán hoặc sử dụng dịch vụ kiểm toán để có thêm căn cứ xét duyệt quyết toán theo quy định của Chính phủ.

Thanh tra Tài chính có nhiệm vụ thanh tra chấp hành pháp luật về chi và quản lý NS, quản lý tài sản nhà nước của tổ chức, cá nhân.

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHI NSNN CẤP TỈNH

1.4.1. Điều kiện tự nhiên

1.4.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.4.3. Nhận thức và ý thức chấp hành của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

- a. Vị trí địa lý*
- b. Địa hình, khí hậu*
- c. Tài nguyên thiên nhiên*

2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2011

- a. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*
- b. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập*
- c. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng*

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI

2.2.1. Thực trạng công tác lập và giao dự toán chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Ngãi

a. Quy trình lập dự toán chi ngân sách nhà nước

Những năm qua công tác lập dự toán chi NSNN tại tỉnh Quảng Ngãi đã đi vào nề nếp và có nhiều thuận lợi trong công tác quản lý. Tuy nhiên, không phải tất cả các đơn vị dự toán đều đã thực hiện tốt, một số đơn vị lập dự toán còn chưa đúng thời hạn, chưa đạt yêu cầu, nhất là lập dự toán trong lĩnh vực chi đầu tư XDCCB chưa đủ thời gian để thảo luận các khoản chi đầu tư XDCCB và thường chậm so với tiến độ quy định. Vì vậy để kịp thời gian các đơn vị dự toán đã xem nhẹ về các cân nhắc, tính toán dự toán làm ảnh hưởng đến chất

lượng công tác lập dự toán. Bên cạnh đó việc chạy theo các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội làm cho dự toán chi đầu tư XDCB vượt quá khả năng đáp ứng của NS tỉnh và diễn biến thực tế.

Bước	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Thời gian	Tài liệu, biểu mẫu liên quan
Bước 1	- Giám đốc Sở - Phòng KHNS chủ trì - Các phòng chuyên môn phối hợp	Ban hành hướng dẫn và thông báo số kiểm tra dự toán NS	Trước 1/7	Chi thị của CP; Thông tư của BTC; chi thị của UBND tỉnh
Bước 2	- Các đơn vị, - UBND các cấp, - Sở Tài chính, - Cục Thuế, - Sở KHĐT	Lập dự toán và tổng hợp dự toán NSDP	Trước 20/7	Các biểu mẫu hướng dẫn của Sở Tài chính
Bước 3	- UBND tỉnh, - Sở Tài chính, - Cục Thuế, - Sở KHĐT	Thảo luận dự toán với Bộ Tài chính	Trước 25/8 hàng năm	Các biểu mẫu hướng dẫn của Bộ TC
Bước 4	- Giám đốc Sở, - Phòng KHNS, - Các phòng chuyên môn, - Các ngành chức năng	Phân bổ dự toán ngân sách địa phương	Trước 25/10	Các biểu mẫu hướng dẫn của BTC và STC
Bước 5	- Giám đốc Sở, - Phòng KHNS	Tổng hợp dự toán ngân sách địa phương	Trước 31/10	Các biểu mẫu hướng dẫn của Sở TC
Bước 6	- UBND tỉnh, - Sở Tài chính, - Cục Thuế, - Sở KHĐT	Xem xét, trình TT HĐND tỉnh	Trước 15/11	Các biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Tài chính
Bước 7	- Giám đốc Sở, - Phòng KHNS, - Các phòng chuyên môn	Điều chỉnh phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương	Trước 25/11	Quyết định giao dự toán NS của BTC
Bước 8	- GD Sở, - Phòng KHNS, - Các phòng chuyên môn	Chuẩn bị các biểu mẫu giao dự toán		Nghị quyết của HĐND Quyết định của UBND tỉnh
Bước 9	- GD Sở TC; - Phòng KHNS, - Các phòng chuyên môn	Công khai dự toán	Chậm nhất 60 ngày sau khi HĐND tỉnh thông qua dự toán	Các biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Tài chính
Bước 10	- Phòng KHNS, - Các phòng chuyên môn	Lưu hồ sơ		Theo mục 6 của quy trình này

Hình 2.1. Quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm

b. Quy trình phân bổ kinh phí dự toán chi ngân sách nhà nước

*** Phân bổ bằng kinh phí dự toán**

+ Phân bổ kinh phí dự toán chi thường xuyên

+ Phân bổ kinh phí dự toán kế hoạch vốn đầu tư hàng năm

*** Phân bổ chi NSNN bằng lệnh chi tiền, kinh phí ủy quyền, ghi thu - ghi chi**

2.2.2. Chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước

**Bảng 2.1. Chi ngân sách tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2011
phân theo cấp ngân sách**

TT	Cấp NS	2007	2008	2009	2010	2011
1	Chi NS địa phương	4,121,799	5,239,933	7,042,984	7,825,557	10,279,459
	Trong đó: Chi cân đối NS	3,971,862	5,023,733	6,786,985	7,572,205	10,016,115
1.1	Chi NS Tỉnh	2,634,446	3,224,541	4,258,892	4,648,764	6,178,961
1.2	Chi NS huyện	1,080,061	1,445,446	2,124,856	2,420,925	3,210,860
1.3	Chi NS xã, phường	257,355	353,746	403,237	502,516	626,294
2	Chi bằng nguồn thu để lại cho đơn vị	149,937	216,200	255,999	253,352	263,344

(Nguồn: Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi)

Tổng chi NSNN giai đoạn 2007-2011 tại tỉnh 34.509.732 triệu đồng; chi NS tại địa bàn có xu hướng tăng dần qua từng năm và đặc biệt tăng mạnh trong các năm từ 2009 đến 2011; chi NS năm 2011 tăng 131,35% so với năm 2010, tăng 2,49 lần so với năm 2007. Chi NS các cấp ở địa phương, NS tỉnh, NS huyện, NS xã đều tăng, trong đó tăng mạnh nhất là NS tỉnh năm 2011 chi 6.178.961 triệu đồng, bằng 132,91% so với năm 2010, tăng 2,34 lần so với năm 2007. Chi NS tỉnh tăng nhanh hơn so với hai cấp NS huyện và xã, vì đây là cấp NS chịu trách nhiệm cân đối, điều tiết và bổ sung cho NS huyện, xã và là cấp NS chủ yếu của địa phương chịu trách nhiệm đầu mối đảm bảo nhiệm vụ chi của 3 cấp NS trên địa bàn.

Bảng 2.2. Chi ngân sách tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2011 phân theo nội dung kinh tế và kết cấu nguồn chi

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	2007	2008	2009	2010	2011
	Chi cân đối NS	3,971,862	5,023,733	6,786,985	7,572,205	10,016,115
1	Chi đầu tư phát triển	867,987	1,061,772	1,194,537	2,216,971	2,487,183
	Trong đó: Chi đầu tư XD CB	861,226	1,058,991	1,192,507	2,212,921	2,481,320
2	Chi trả nợ tiền vay, lãi, phí	28,750	135,562	425,053	126,587	181,967
3	Chi thường xuyên	1,382,268	1,718,627	2,369,572	2,859,290	3,976,725
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,140	1,140	1,140	1,140	1,140
5	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	1,037,248	1,309,303	1,880,837	1,967,555	2,891,557
6	Chi cho các đơn vị dự toán xã	13,282	17,266	63	22,618	243
7	Chi chuyển sang năm sau	639,552	775,760	908,261	376,998	466,729
8	Chi nộp NS cấp trên	1,635	4,303	7,522	1,046	10,571

(Nguồn: Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi)

Chi NSNN theo nội dung kinh tế và kết cấu nguồn chi giai đoạn từ 2007- 2011, thì chi thường xuyên có tỷ trọng cao nhất (chiếm 36,87% trong chi cân đối NS trên địa bàn), và tăng đều trong các năm, tăng mạnh trong giai đoạn 2010 – 2011, năm 2011 tăng 140% so với năm 2010 và gấp 2,87 lần so với năm 2007. Chi bổ sung cho NS cấp dưới giai đoạn 2007-2011 chiếm vị trí thứ hai trong chi NS tại địa bàn tỉnh, nhằm bổ sung cân đối NS cho huyện và xã để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao trong từng thời kỳ, khi nguồn thu NS tại địa phương không cân đối được đã tăng 147% so với năm

2010 và gấp 2,78 lần so với năm 2007. Chi đầu tư chiếm vị trí thứ ba trong chi NS địa phương, năm 2011 số chi là 2.487.183 triệu đồng tăng gấp 2,86 lần so với năm 2007.

Nhìn chung chi NS trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2011 tăng đều là phù hợp với nhu cầu chi và tiến trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

a. Chấp hành dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản

**Bảng 2.3. Chi đầu tư XDCB ngân sách tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2007-2011**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	2007	2008	2009	2010	2011
	Tổng vốn đầu tư	3,396,367	4,878,974	4,990,372	7,968,198	5,826,067
1	NS nhà nước	867,987	1,061,772	1,194,537	2,216,971	2,487,183
	- NS TW	159,092	265,443	268,650	498,507	557,210
	- NS ĐP	708,895	796,329	925,887	1,718,464	1,929,973
2	Trái phiếu chính phủ	181,289	473,428	561,205	996,756	484,486
3	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	1,300,000	1,900,000	1,672,000	2,200,000	200,000
4	Nguồn vốn khác	179,104	382,002	368,093	337,500	167,215
	- Nguồn vốn sở số kiến thiết	16,618	19,900	24,470	37,000	31,020
	- Nguồn vốn vay	162,486	362,102	343,623	300,500	136,195

(Nguồn: Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi)

Bảng 2.3 cho thấy tổng vốn đầu tư XDCB trên địa bàn giai đoạn 2007-2011 là 27.059.978 triệu đồng; trong đó nguồn đầu tư từ NSNN là 7.828.450 triệu đồng chiếm 28,93%. Nguồn đầu tư từ NSNN giữ vai trò chủ đạo trong tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tuy vậy việc chấp hành dự toán chi đầu tư XDCB vẫn còn những tồn tại: Phần vượt dự toán ban đầu của các dự án được chấp nhận

khá dễ dàng, chưa có những ràng buộc hạn chế phát sinh trong chi đầu tư XD CB; chi đầu tư XD CB trên địa bàn tỉnh đang có xu hướng chạy theo thành tích và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, bố trí vốn cho các dự án mới mà ít quan tâm đến giải quyết nợ đọng trong đầu tư XD CB.

b. Chấp hành dự toán chi thường xuyên

Bảng 2.4. Chi thường xuyên tỉnh QN giai đoạn 2007-2011

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	2007	2008	2009	2010	2011
A	Chi thường xuyên NSNN	1,382,267	1,718,627	2,369,552	2,859,290	3,976,725
1	Chi quốc phòng	23,292	26,289	42,417	39,111	60,494
2	Chi an ninh	14,145	20,655	21,080	29,716	60,457
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT, dạy nghề	630,369	751,517	848,442	1,066,467	1,371,887
4	Chi sự nghiệp môi trường	4,578	13,878	58,775	22,781	29,350
5	Chi sự nghiệp tế y	123,987	137,164	191,669	244,600	578,740
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	12,151	11,307	15,337	10,721	13,412
7	Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin	16,571	18,966	26,418	33,848	19,312
8	Chi sự nghiệp phát thanh- TH	14,163	14,730	12,808	17,791	8,819
9	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	7,596	11,319	15,383	11,693	9,890
10	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	56,500	151,400	202,845	301,816	384,083
11	Chi sự nghiệp kinh tế	85,828	122,627	315,997	324,956	410,706
12	Chi quản lý hành chính Đảng, đoàn thể	319,519	388,733	477,456	669,674	880,435
13	Chi khác NS	73,568	50,042	140,925	86,116	149,140

(Nguồn: Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi)

+ Trong chi thường xuyên, ngoài hai khoản chi hỗ trợ cho an ninh và Quốc phòng trên địa bàn thì khoản chi cho sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề là lớn nhất.

2.2.3. Quyết toán chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi

Trình tự và thủ tục quyết toán NSNN được quy định tại Điều 71, nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ.

Tuy vậy công tác quyết toán NSNN tỉnh Quảng Ngãi còn những tồn tại đó là: số liệu dự toán và số liệu quyết toán thường có sự chênh lệch do quá trình lập dự toán không sát thực tế; thời gian lập và gửi báo cáo quyết toán một số huyện còn chậm; một số biểu mẫu báo cáo quyết toán chưa đúng theo quy định tại thông tư số 01/2007/TT-BTC và Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

a. Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh Quảng Ngãi

Bảng 2.5. Dự toán và quyết toán chi đầu tư XDCB tại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008-2010 Đơn vị: Triệu đồng

TT	Năm	2008			2009			2010		
		Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch
	Tổng số vốn đầu tư	4,468,620	3,817,202	651,418	6,524,020	3,795,835	2,728,185	5,438,501	5,751,227	-312,726
1	NS nhà nước	1,118,620	1,061,772	56,848	1,652,990	1,194,537	458,453	2,206,560	2,216,971	-10,411
2	Trái phiếu chính phủ	454,000	473,428	-19,428	876,030	561,205	314,825	694,441	996,756	-302,315
3	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	2,500,000	1,900,000	600,000	3,610,000	1,672,000	1,938,000	2,200,000	2,200,000	0
4	Nguồn vốn	396,000	382,002	13,998	385,000	368,093	16,907	337,500	337,500	0

khác									
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi)

Bảng 2.5 cho thấy giai đoạn 2008-2010 tổng vốn đầu tư XDCB thực hiện quyết toán là 13.364.264 triệu đ so với dự toán đầu tư XDCB được duyệt là 16.431.141 triệu đ đạt 81,3%; trong đó nguồn vốn NSNN quyết toán 4.473.280 triệu đ so với dự toán đạt 89,85%. Tuy vậy, quá trình thực hiện đầu tư và giải ngân vốn đầu tư XDCB so với yêu cầu còn chậm, còn kéo dài thời gian giải ngân và tiến độ công trình nhất là những dự án nhóm C, năm 2008 trong 767 dự án vốn bố trí là 2.066 tỷ đ đã có 255 dự án kéo dài với số vốn 602 tỷ đ, năm 2009 có 802 dự án, vốn bố trí 1.976 tỷ đ đã có 211 dự án kéo dài với số vốn 475 tỷ đ, năm 2010 có 817 dự án với số vốn bố trí 2.728 tỷ đ đã có 326 dự án kéo dài với số vốn 547 tỷ đ.

b. Quyết toán chi thường xuyên NSNN tỉnh Quảng Ngãi

Bảng 2.6. Dự toán và quyết toán chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2009-2011 tại tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung chi	Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch
Chi thường xuyên	1,531,772	2,369,552	-837,780	1,843,264	2,859,290	-1,016,026	2,709,365	3,976,725	-1,267,360
Chi quốc phòng	24,598	42,417	-17,819	21,614	39,111	-17,497	33,285	60,494	-27,209
Chi an ninh	8,590	21,080	-12,490	11,469	29,716	-18,247	19,497	60,457	-40,960
Chi SN giáo dục-đào tạo, dạy nghề	765,253	848,442	-83,189	915,500	1,066,467	-150,967	1,236,560	1,371,887	-135,327
Chi SN	20,632	58,775	-38,143	22,142	22,781	-639	25,350	29,350	-4,000

môi trường									
Chi SN y tế	183,971	191,669	-7,698	173,996	244,600	-70,604	390,250	578,740	-188,490
Chi SN khoa học công nghệ	15,530	15,337	193	18,480	10,721	7,759	11,025	13,412	-2,387
Chi SN Văn hoá thông tin	17,708	26,418	8,710	28,720	33,848	-5,128	12,270	19,312	-7,0042
Chi SN phát thanh Truyền hình	12,028	12,808	-52	15,419	17,791	-2,372	8,250	8,819	-569
Chi SN thể dục, thể thao	10,400	15,383	-4,983	10,101	11,693	-1,592	9,528	9,890	-362
Chi SN đảm bảo xã hội	49,845	202,845	-153,000	69,455	301,816	-232,361	103,780	384,083	-280,303
Chi SN kinh tế	133,760	315,997	-182,237	187,386	324,956	-137,570	278,520	410,706	-132,186
Chi quân lý Đảng, đoàn thể	283,157	477,456	-194,299	359,980	669,674	-309,694	568,750	880,435	-311,685
Chi khác NS	6,300	140,925	-134,625	9,002	86,116	-77,114	12,300	149,140	-136,840

(Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi)

Bảng 2.6 cho thấy việc lập dự toán chi thường xuyên chưa sát với thực tế; giai đoạn 2009-2011 quyết toán chi thường xuyên NSNN là 9.205.567 triệu đ, vượt so với dự toán được giao 3.121.166 triệu đ, với tỷ lệ vượt là 151,3%. Hầu hết ở các nội dung chi thường xuyên quyết toán đều vượt so với dự toán chi giao từ đầu năm, kế hoạch không sát với thực tiễn hoạt động của từng cấp NS, từng đơn vị dự

toán. Trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần gây khó khăn cho chính quyền địa phương trong điều hành NSNN, gây khó khăn cho KBNN trong việc kiểm soát và chi trả các khoản chi NSNN, nhất là vào thời điểm cuối năm.

2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán quá trình quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Ngãi

Công tác kiểm tra, thanh tra tình hình sử dụng vốn NSNN đã được chú trọng, các cơ quan Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Tài chính, Thanh tra nhà nước đã có nhiều cuộc kiểm tra các đơn vị sử dụng NS, các cấp NS.

Công tác lập dự toán chi đúng theo biểu mẫu và thời gian quy định cho từng cấp NS; việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị đúng theo dự toán trung ương đã giao. Tuy nhiên dự toán phân bổ chậm, bổ sung điều chỉnh nhiều lần trong năm, nên việc theo dõi kiểm soát chi của KBNN không được thuận lợi.

Đối với nguồn vốn chi đầu tư bố trí kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy vậy dự án thuộc nhóm C nhưng bố trí vốn kéo dài trên 2 năm, làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối NS của địa phương. Công tác lập và thẩm định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa chi cụ thể nguồn vốn đầu tư. Công tác đấu thầu chưa phát huy hiệu quả đấu thầu.

Đối với nguồn vốn chi thường xuyên việc quản lý điều hành chi NS cơ bản chấp hành theo trình tự lập và giao dự toán chi theo quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện bổ sung, điều chỉnh nhiều lần mới sát với nhiệm vụ chi của đơn vị dự toán. Việc chấp hành chế độ chính sách của đơn vị dự toán đúng mục đích và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Công tác chi chuyển nguồn ở các huyện còn

lớn cho thấy việc điều hành NS và sử dụng NS chưa kịp thời, ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. ĐÁNH GIÁ THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.3.1. Những kết quả đạt được

2.3.2. Những hạn chế tồn tại

- Một là, công tác quản lý chi NS tại địa bàn tỉnh trong thời gian qua chưa được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ.

- Hai là, phân bổ vốn đầu tư còn dàn trải, không gắn với kế hoạch vốn. Việc chậm giải ngân vì nhiều lý do khác nhau đã gây khó khăn cho việc điều hành NS, làm vốn NS sử dụng không có hiệu quả.

- Ba là, lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả trong quản lý chi thường xuyên, chưa thực hiện nghiêm túc quản lý tài chính NS, vi phạm một số chế độ, định mức chi.

- Bốn là, chưa có công cụ, thước đo hiệu quả việc sử dụng NS đối với các đơn vị thực hiện khoán chi hành chính theo nghị định 130/NĐ-CP, nghị định 43/NĐ-CP.

- Năm là, bộ máy NS xã phường còn thiếu, yếu nhất là ở các huyện miền núi. Hậu quả tất yếu là công tác hạch toán kế toán NS xã còn nhiều sai sót so với Luật NSNN.

- Sáu là, mối quan hệ giữa các cơ quan Tài chính (cơ quan phân bổ dự toán) và KBNN (cơ quan kiểm soát chi) trong hệ thống tài chính ở địa phương vẫn còn sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ trong quá trình chấp hành dự toán chi NS và kiểm tra, giám sát lẫn nhau làm tăng khối lượng công việc mà hiệu quả không cao. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu chính cho UBND tỉnh điều hành NS địa

phương nhưng ở thể bị động, không nắm bắt kịp thời tình hình NS làm cho công tác điều hành NS kém hiệu quả.

- Bảy là, cùng một khoản chi NS nhưng được hạch toán trên ba hệ thống tài khoản kế toán.

- Tám là, theo quy định của Luật NSNN thì Quỹ NSNN được thống nhất quản lý tại KBNN. Nhưng, thực tế tồn quỹ NSNN chủ yếu nằm trên các tài khoản tiền gửi ở các Ngân hàng thương mại. Hơn nữa khi quỹ NS địa phương bị phân tán do NS cấp dưới nhận bổ sung từ NS cấp trên, bộ máy hành chính cấp huyện khá lớn, thu NS không đủ cân đối nhu cầu chi nên NS tỉnh phải điều về cho huyện làm tồn quỹ NS huyện, xã lớn trong khi đó đôi lúc NS tỉnh không đủ cân đối để đáp ứng nhu cầu chi.

- Chín là, việc phân định trách nhiệm quyền hạn trong quản lý kiểm soát chi NSNN chưa rõ ràng, còn phân tán, chưa tập trung đầu mối duy nhất kiểm soát chi qua KBNN.

2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại

- Chất lượng lập dự toán và phân bổ dự toán NS của một số đơn vị Sở, ngành tại Quảng Ngãi còn thiếu tính khoa học thực tiễn chưa thực sự gắn với kế hoạch, nhiệm vụ của mình.

- Công tác chỉ đạo, điều hành thu NS của các ngành, các cấp, trong đó ngành Thuế với vai trò chủ đạo chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức, chưa kiên quyết xử lý những phát sinh.

- Quy hoạch kém, không gắn kết với kế hoạch vốn; văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi là nguyên nhân chính dẫn đến những bất cập trong đầu tư.

- Ý thức chấp hành pháp luật của các Chủ đầu tư, Ban quản lý chưa cao, tình trạng gian lận, dự toán áp sai định mức, đơn giá theo quy định vẫn còn xảy ra tương đối phổ biến.

- Thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cơ quan Tài chính, Kho bạc, Thuế, Hải quan.

- Hệ thống tiêu chuẩn, định mức, đơn giá chi NSNN ban hành chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ và thống nhất.

- Chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức xã chậm sửa đổi, thu nhập thấp, không đảm bảo đời sống nên rất khó thu hút lực lượng cán bộ có trình độ chuyên môn cao về phục vụ công tác tài chính NS xã.

- Phân cấp NS cấp tỉnh và cấp trung ương chưa rõ ràng.

2.3.4. Những kinh nghiệm rút ra từ quá trình quản lý chi NS tỉnh Quảng Ngãi

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VỀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1.1. Quan điểm

3.1.2. Mục tiêu hoàn thiện quản lý chi NSNN tại Quảng Ngãi

3.1.3. Định hướng hoàn thiện quản lý chi NSNN Quảng Ngãi

- Hoàn thiện công tác quản lý chi NSNN phải bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách Tài chính công.

- Sở Tài chính tỉnh phải hạn chế tối đa việc cấp phát chi NSNN bằng “*lệnh chi tiền*”, “*ghi thu - ghi chi*”, “*kinh phí ủy quyền*”; nâng cao chất lượng lập dự toán chi NSNN.

- Tăng cường và mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng đối với các đơn vị giao khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

- Lấy công nghệ hiện đại mà nòng cốt là công nghệ thông tin là công cụ phục vụ cho quá trình quản lý chi NSNN.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI

3.2.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi NSNN

- Tăng thời gian chuẩn bị lập dự toán chi NSNN từ 6 tháng hiện nay lên 12 tháng để có đủ thời gian cho các đơn vị, các ngành, các cấp lập và thảo luận dự toán NSNN một cách kỹ lưỡng, đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch.

- Nâng cao chất lượng dự báo kinh tế- xã hội phục vụ cho công tác lập và thảo luận dự toán.

- Xây dựng định mức chi, cơ cấu chi trong định mức phù hợp với khả năng thực tế của NS.

- Quy trình lập dự toán phải đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, phải từ cơ sở.

- Tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác lập dự toán, coi trọng sự phối hợp giữa cơ quan tài chính và các đơn vị sử dụng NSNN.

3.2.2 Hoàn thiện công tác chấp hành dự toán chi NSNN

a. Hoàn thiện công tác quản lý thu, khuyến khích, nuôi dưỡng và tạo nguồn thu trên địa bàn tỉnh

b. Quản lý, chi tiêu và sử dụng hiệu quả các khoản chi ngân sách

* *Đối với chi đầu tư:* Đề cao trách nhiệm của các cơ quan liên ngành. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch gắn liền với kế hoạch vốn; tổ chức thực hiện đầy đủ các giải pháp chống lãng phí, chống dàn trải vốn đầu tư; tập trung bố trí vốn cho các dự án, công trình

trọng điểm đang thực hiện. Chủ động bố trí NS để trả dứt điểm nợ; kiên quyết đình chỉ những dự án không hiệu quả, thực hiện kéo dài; không bố trí vốn đối với những dự án không đủ thủ tục đầu tư; không phê duyệt dự án nếu không xác định được nguồn vốn thực hiện.

** Đối với chi thường xuyên:* đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển các hoạt động sự nghiệp. Thực hiện chế độ tài chính cho đơn vị sự nghiệp có thu; sửa đổi một số khoản thu phù hợp với thực tế; thực hiện giao đầy đủ quyền chủ động, tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp. Cần nâng cao trách nhiệm và tự chịu trách nhiệm của đơn vị và Thủ trưởng đơn vị sử dụng NS.

c. Xây dựng quan hệ phối hợp tốt giữa cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước trong điều hành, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước

Cơ quan Tài chính và KBNN phải thường xuyên thực hiện công tác báo cáo, tham mưu cho các cấp lãnh đạo chính quyền để kịp thời có các biện pháp chỉ đạo, điều hành NS địa phương.

3.2.3. Hoàn thiện công tác quyết toán ngân sách nhà nước

Qua mỗi chu kỳ đơn vị sử dụng NS phải thực hiện kiểm tra, rà soát, chỉnh lý số liệu để quyết toán NS của đơn vị; Chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng vốn NS trong năm và quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành; cơ quan Tài chính tổng hợp số liệu quyết toán NS của cấp NS mình theo quy định của Luật NSNN.

3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a. Tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của lực lượng thanh tra chuyên ngành tài chính trong tỉnh

b. Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh Ủy, điều hành của Ủy

ban nhân dân và giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quản lý chi ngân sách

3.2.5. Hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

a. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

b. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Tài chính - Thuế - Hải Quan - Kho bạc nhà nước

c. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý chi ngân sách nhà nước

d. Hoàn thiện, hệ thống hoá các tiêu chuẩn, định mức phù hợp và đảm bảo tính thống nhất để quản lý, điều hành, kiểm soát chi ngân sách nhà nước

e. Chuyển ngân sách cấp huyện thành đơn vị dự toán

f. Củng cố và xây dựng ngân sách cấp xã thành một cấp ngân sách hoàn chỉnh

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Sửa đổi, bổ sung Luật ngân sách nhà nước

3.3.2. Nâng cao địa vị pháp lý của các cơ quan trong hệ thống tài chính

3.3.3. Cần có chế tài xử lý các trường hợp vi phạm, không chấp hành chế độ quản lý chi ngân sách nhà nước

3.3.4. Hiện đại hoá công nghệ thanh toán trong nền kinh tế quốc dân

KẾT LUẬN

Trong công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế xã hội, quản lý kinh tế tài chính nói chung, quản lý chi NSNN nói riêng là một công cụ vô cùng quan trọng của các cấp chính quyền Nhà nước trong việc điều hành, quản lý nền kinh tế; là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, việc sử dụng công cụ này như thế nào cho hiệu quả là một thách thức lớn, đòi hỏi các cấp, các ngành phải thường xuyên nghiên cứu, từ lý luận đến thực tiễn để đưa ra những kiến nghị, những giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý chi NSNN.

Luận văn đã tập trung giải quyết một cách cơ bản các yêu cầu của nội dung đặt ra, để thực hiện luận văn có căn cứ khoa học về lý luận và thực tiễn, những vấn đề lý luận về chi NSNN và nội dung hoạt động của chi NS, khái quát thực trạng, nguyên nhân và giải pháp về quản lý chi NS tại tỉnh Quảng Ngãi. Từ đó tìm ra những tồn tại, hạn chế của việc quản lý NS và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý chi NS tại địa phương trong thời gian tới.

Các giải pháp đề xuất của luận văn được dựa trên các luận cứ khoa học, các giải pháp đưa ra nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập trước mắt, luận văn còn chú trọng đề xuất những giải pháp mang tính định hướng và chiến lược lâu dài trong công tác quản lý chi NSNN nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Tuy nhiên để các giải pháp này có tính khả thi đòi hỏi công tác triển khai thực hiện phải thực sự khoa học, hợp lý, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.